

[illegible]

| STT | Thi môn   | SBD   | Lớp | Họ và tên HS          | Ngày sinh  |
|-----|-----------|-------|-----|-----------------------|------------|
| 1   | Tiếng Anh | 60001 | 6A7 | Lê Bảo An             | 29/11/2014 |
| 2   | Tiếng Anh | 60002 | 6A3 | Phan Nguyễn Bảo An    | 09/06/2014 |
| 3   | Tiếng Anh | 60003 | 6A1 | Trần Khánh An         | 22/11/2014 |
| 4   | Tiếng Anh | 60004 | 6A6 | Lưu Ngọc Anh          | 20/02/2014 |
| 5   | Tiếng Anh | 60005 | 6A3 | Nguyễn Ngọc Diệp Anh  | 04/07/2014 |
| 6   | Tiếng Anh | 60006 | 6A2 | Phùng Minh Anh        | 16/03/2014 |
| 7   | Tiếng Anh | 60007 | 6A3 | Phùng Tuệ Anh         | 17/05/2014 |
| 8   | Tiếng Anh | 60008 | 6A8 | Đàm Đức Dũng          | 10/06/2014 |
| 9   | Tiếng Anh | 60009 | 6A2 | Nguyễn Minh Hà        | 07/04/2014 |
| 10  | Tiếng Anh | 60010 | 6A5 | Tạ Đăng Việt Hải      | 12/10/2014 |
| 11  | Tiếng Anh | 60011 | 6A4 | Trần Danh Hải         | 06/07/2014 |
| 12  | Tiếng Anh | 60012 | 6A2 | Phạm Như Bảo Hân      | 28/07/2014 |
| 13  | Tiếng Anh | 60013 | 6A5 | Phạm Thị Thu Hiền     | 22/01/2014 |
| 14  | Tiếng Anh | 60014 | 6A6 | Nguyễn Đình Huy       | 21/01/2014 |
| 15  | Tiếng Anh | 60015 | 6A3 | Phan Thanh Huyền      | 21/05/2014 |
| 16  | Tiếng Anh | 60016 | 6A2 | Trịnh Gia Hưng        | 16/10/2014 |
| 17  | Tiếng Anh | 60017 | 6A4 | Nguyễn Diệp Hương     | 13/02/2014 |
| 18  | Tiếng Anh | 60018 | 6A5 | Trần Duy Khang        | 10/06/2014 |
| 19  | Tiếng Anh | 60019 | 6A1 | Đặng Thị Minh Khuê    | 03/07/2014 |
| 20  | Tiếng Anh | 60020 | 6A8 | Nguyễn Minh Long      | 02/05/2014 |
| 21  | Tiếng Anh | 60021 | 6A7 | Lâm Ngọc Ngân         | 10/04/2014 |
| 22  | Tiếng Anh | 60022 | 6A2 | Nguyễn Thị Kim Ngân   | 01/01/2014 |
| 23  | Tiếng Anh | 60023 | 6A5 | Nguyễn Thảo Nhi       | 13/06/2014 |
| 24  | Tiếng Anh | 60024 | 6A2 | Trần Duy Phong        | 06/01/2014 |
| 25  | Tiếng Anh | 60025 | 6A6 | Trần Nguyễn Hà Phương | 09/09/2014 |
| 26  | Tiếng Anh | 60026 | 6A1 | Nguyễn Minh Quang     | 24/02/2014 |
| 27  | Tiếng Anh | 60027 | 6A4 | Trần Anh Quân         | 08/10/2014 |
| 28  | Tiếng Anh | 60028 | 6A2 | Lê Thanh Tâm          | 03/10/2014 |
| 29  | Tiếng Anh | 60029 | 6A8 | Nguyễn Đức Thành      | 06/06/2014 |
| 30  | Tiếng Anh | 60030 | 6A2 | Đỗ Khánh Toàn         | 24/06/2014 |

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG

Phòng thi số:2

Tại phòng:302

| STT | Thi môn   | SBD   | Lớp | Họ và tên HS            | Ngày sinh  |
|-----|-----------|-------|-----|-------------------------|------------|
| 1   | Tiếng Anh | 70001 | 7A1 | Đặng An An              | 14/09/2013 |
| 2   | Tiếng Anh | 70002 | 7A2 | Lê Nguyên Bảo An        | 09/07/2013 |
| 3   | Tiếng Anh | 70003 | 7A5 | Lê Phúc An              | 15/12/2013 |
| 4   | Tiếng Anh | 70004 | 7A1 | Đoàn Thục Anh           | 01/02/2013 |
| 5   | Tiếng Anh | 70005 | 7A4 | Trương Hùng Anh         | 03/12/2013 |
| 6   | Tiếng Anh | 70006 | 7A5 | Hà Thái Bảo             | 13/02/2013 |
| 7   | Tiếng Anh | 70007 | 7A2 | Vũ Gia Bảo              | 22/07/2013 |
| 8   | Tiếng Anh | 70008 | 7A4 | Nguyễn Khánh Chi        | 12/05/2013 |
| 9   | Tiếng Anh | 70009 | 7A1 | Nguyễn Quỳnh Chi        | 13/10/2013 |
| 10  | Tiếng Anh | 70010 | 7A3 | Trần Diệp Chi           | 24/12/2013 |
| 11  | Tiếng Anh | 70011 | 7A4 | Trần Anh Duy            | 30/04/2013 |
| 12  | Tiếng Anh | 70012 | 7A4 | Lương Viết Trường Giang | 18/01/2013 |
| 13  | Tiếng Anh | 70013 | 7A2 | Đỗ Ngọc Hân             | 26/05/2013 |
| 14  | Tiếng Anh | 70014 | 7A3 | Trần Gia Hiễn           | 14/01/2013 |
| 15  | Tiếng Anh | 70015 | 7A2 | Trần Đức Huy            | 18/01/2013 |
| 16  | Tiếng Anh | 70016 | 7A3 | Nguyễn Minh Khang       | 06/11/2013 |
| 17  | Tiếng Anh | 70017 | 7A4 | Nguyễn Nhật Khang       | 29/01/2013 |
| 18  | Tiếng Anh | 70018 | 7A2 | Nguyễn Tuấn Khang       | 17/07/2013 |
| 19  | Tiếng Anh | 70019 | 7A4 | Bùi Tất Đăng Khôi       | 25/02/2013 |
| 20  | Tiếng Anh | 70020 | 7A6 | Phạm Nguyễn Hoàng Lâm   | 20/03/2013 |
| 21  | Tiếng Anh | 70021 | 7A1 | Vũ Như Tuấn Lâm         | 08/08/2013 |
| 22  | Tiếng Anh | 70022 | 7A6 | Cao Tuệ Linh            | 08/03/2013 |
| 23  | Tiếng Anh | 70023 | 7A4 | Lê Gia Linh             | 07/09/2013 |
| 24  | Tiếng Anh | 70024 | 7A1 | Nguyễn Minh Quân        | 16/09/2013 |
| 25  | Tiếng Anh | 70025 | 7A5 | Phạm Chí Thành          | 14/03/2013 |
| 26  | Tiếng Anh | 70026 | 7A5 | Quách Phương Thảo       | 25/04/2013 |
| 27  | Tiếng Anh | 70027 | 7A2 | Lê Mạnh Tiến            | 08/08/2013 |
| 28  | Tiếng Anh | 70028 | 7A5 | Phạm Minh Trí           | 16/10/2013 |
| 29  | Tiếng Anh | 70029 | 7A1 | Đỗ Lâm Vũ               | 11/02/2013 |
| 30  |           |       |     |                         |            |

**Phòng thi số:**                      **3**                      **Tại phòng:** **303**

| STT | Thi môn   | SBD   | Lớp | Họ và tên HS           | Ngày sinh  |
|-----|-----------|-------|-----|------------------------|------------|
| 1   | Tiếng Anh | 80001 | 8A2 | Nguyễn Trần Bảo An     | 21/02/2012 |
| 2   | Tiếng Anh | 80002 | 8A3 | Hoàng Nam Anh          | 04/03/2012 |
| 3   | Tiếng Anh | 80003 | 8A6 | Khổng Châu Anh         | 12/11/2012 |
| 4   | Tiếng Anh | 80004 | 8A1 | Nguyễn Bá Hải Anh      | 04/02/2012 |
| 5   | Tiếng Anh | 80005 | 8A6 | Hoàng Nguyễn Minh Châu | 13/02/2012 |
| 6   | Tiếng Anh | 80006 | 8A5 | Vũ Đình Việt Châu      | 18/03/2012 |
| 7   | Tiếng Anh | 80007 | 8A4 | Đỗ Lê Hà Chi           | 07/03/2012 |
| 8   | Tiếng Anh | 80008 | 8A5 | Cung Hà Giang          | 29/11/2012 |
| 9   | Tiếng Anh | 80009 | 8A3 | Nguyễn Ngân Hà         | 19/02/2012 |
| 10  | Tiếng Anh | 80010 | 8A2 | Nguyễn Minh Hải        | 18/01/2012 |
| 11  | Tiếng Anh | 80011 | 8A3 | Lê Sỹ Minh Hoàng       | 01/09/2012 |
| 12  | Tiếng Anh | 80012 | 8A3 | Lê Nhật Huy            | 11/02/2012 |
| 13  | Tiếng Anh | 80013 | 8A4 | Nguyễn Xuân Đăng Khôi  | 18/06/2012 |
| 14  | Tiếng Anh | 80014 | 8A2 | Nguyễn Ngọc Gia Linh   | 05/01/2012 |
| 15  | Tiếng Anh | 80015 | 8A5 | Bùi Hoàng Minh         | 24/02/2012 |
| 16  | Tiếng Anh | 80016 | 8A5 | Đỗ Hải Minh            | 07/09/2012 |
| 17  | Tiếng Anh | 80017 | 8A6 | Hồ Hoàng Minh          | 06/07/2012 |
| 18  | Tiếng Anh | 80018 | 8A4 | Nguyễn Phương Minh     | 21/08/2012 |
| 19  | Tiếng Anh | 80019 | 8A4 | Vũ Hoàng Nhật Minh     | 11/07/2012 |
| 20  | Tiếng Anh | 80020 | 8A3 | Vũ Ngọc Minh           | 05/04/2012 |
| 21  | Tiếng Anh | 80021 | 8A5 | Phan Khánh My          | 02/11/2012 |
| 22  | Tiếng Anh | 80022 | 8A1 | Nguyễn Thành Nam       | 02/09/2012 |
| 23  | Tiếng Anh | 80023 | 8A4 | Lê Khôi Nguyên         | 23/05/2012 |
| 24  | Tiếng Anh | 80024 | 8A3 | Nguyễn Nam Phong       | 13/10/2012 |
| 25  | Tiếng Anh | 80025 | 8A6 | Đoàn Như Quỳnh         | 28/12/2012 |
| 26  | Tiếng Anh | 80026 | 8A2 | Nguyễn Như Quỳnh       | 20/09/2012 |
| 27  | Tiếng Anh | 80027 | 8A5 | Phạm Thanh Trúc        | 30/10/2012 |
| 28  | Tiếng Anh | 80028 | 8A1 | Nguyễn Hải Vân         | 04/06/2012 |
| 29  | Tiếng Anh | 80029 | 8A6 | Phùng Khánh Vân        | 05/11/2012 |
| 30  | Tiếng Anh | 80030 | 8A4 | Hoàng Bảo Yến          | 26/02/2012 |

**Phòng thi số:**                 **4**                                 **Tại phòng: 304**

| STT | Thi môn                  | SBD   | Lớp | Họ và tên HS           | Ngày sinh  |
|-----|--------------------------|-------|-----|------------------------|------------|
| 1   | Chất và sự biến đổi chất | 70030 | 7A5 | Trần Cẩm Chi           | 12/08/2013 |
| 2   | Chất và sự biến đổi chất | 80031 | 8A6 | Nguyễn Bảo An          | 01/07/2012 |
| 3   | Chất và sự biến đổi chất | 80032 | 8A2 | Tạ Đức An              | 23/02/2012 |
| 4   | Chất và sự biến đổi chất | 80033 | 8A2 | Đỗ Thục Anh            | 26/09/2012 |
| 5   | Chất và sự biến đổi chất | 80034 | 8A6 | Nguyễn Nam Anh         | 13/05/2012 |
| 6   | Chất và sự biến đổi chất | 80035 | 8A2 | Nguyễn Ngọc Minh Châu  | 08/07/2012 |
| 7   | Chất và sự biến đổi chất | 80036 | 8A3 | Nông Hoàng Châu        | 06/03/2012 |
| 8   | Chất và sự biến đổi chất | 80037 | 8A6 | Lý Nguyệt Chi          | 04/11/2012 |
| 9   | Chất và sự biến đổi chất | 80038 | 8A6 | Trần Ngọc Bảo Chi      | 27/09/2012 |
| 10  | Chất và sự biến đổi chất | 80039 | 8A5 | Nguyễn Vũ Hải          | 16/04/2012 |
| 11  | Chất và sự biến đổi chất | 80040 | 8A3 | Nguyễn Thế Hoàng       | 01/03/2012 |
| 12  | Chất và sự biến đổi chất | 80041 | 8A1 | Nguyễn Gia Kiên        | 15/01/2012 |
| 13  | Chất và sự biến đổi chất | 80042 | 8A2 | Đào Hạ Lan             | 12/09/2012 |
| 14  | Chất và sự biến đổi chất | 80043 | 8A6 | Bùi Nhật Long          | 29/11/2012 |
| 15  | Chất và sự biến đổi chất | 80044 | 8A6 | Nguyễn Minh Long       | 28/10/2012 |
| 16  | Chất và sự biến đổi chất | 80045 | 8A2 | Hoàng Nguyễn Nhật Minh | 12/01/2012 |
| 17  | Chất và sự biến đổi chất | 80046 | 8A4 | Lê Quang Minh          | 13/06/2012 |
| 18  | Chất và sự biến đổi chất | 80047 | 8A1 | Nguyễn Hoàng Tuấn Minh | 03/10/2012 |
| 19  | Chất và sự biến đổi chất | 80048 | 8A6 | Phạm Hoàng Minh        | 23/09/2012 |
| 20  | Chất và sự biến đổi chất | 80049 | 8A6 | Phạm Nhật Minh         | 07/10/2012 |
| 21  | Chất và sự biến đổi chất | 80050 | 8A3 | Nguyễn Hải Nam         | 05/10/2012 |
| 22  | Chất và sự biến đổi chất | 80051 | 8A1 | Nguyễn Mai Ngọc        | 11/10/2012 |
| 23  | Chất và sự biến đổi chất | 80052 | 8A6 | Đoàn Vũ Phúc Nguyên    | 30/10/2012 |
| 24  | Chất và sự biến đổi chất | 80053 | 8A1 | Nguyễn Minh Nguyệt     | 04/09/2012 |
| 25  | Chất và sự biến đổi chất | 80054 | 8A1 | Trần Minh Nhật         | 31/10/2012 |
| 26  | Chất và sự biến đổi chất | 80055 | 8A1 | Phạm Hải Phong         | 11/05/2012 |
| 27  | Chất và sự biến đổi chất | 80056 | 8A4 | Lê Thu Phương          | 31/08/2012 |
| 28  | Chất và sự biến đổi chất | 80057 | 8A4 | Trần Quỳnh Phương      | 13/11/2012 |
| 29  | Chất và sự biến đổi chất | 80058 | 8A4 | Nguyễn Tâm Thanh       | 08/12/2012 |
| 30  | Chất và sự biến đổi chất | 80059 | 8A5 | Phạm Hoàng Tùng        | 25/08/2012 |

[illegible]

| STT | Thi môn    | SBD   | Lớp | Họ và tên HS           | Ngày sinh  |
|-----|------------|-------|-----|------------------------|------------|
| 1   | Năng lượng | 80060 | 8A2 | Mẫn Vũ Minh Anh        | 26/05/2012 |
| 2   | Năng lượng | 80061 | 8A5 | Phạm Quốc Anh          | 20/09/2012 |
| 3   | Năng lượng | 80062 | 8A3 | Lê Ngọc Bách           | 14/09/2012 |
| 4   | Năng lượng | 80063 | 8A3 | Lại Việt Cường         | 18/12/2012 |
| 5   | Năng lượng | 80064 | 8A6 | Lê Hùng Cường          | 01/10/2012 |
| 6   | Năng lượng | 80065 | 8A6 | Nguyễn Thanh Dương     | 08/08/2012 |
| 7   | Năng lượng | 80066 | 8A4 | Nguyễn Đức Nhật Giang  | 28/10/2012 |
| 8   | Năng lượng | 80067 | 8A3 | Trần Trung Hải         | 31/03/2012 |
| 9   | Năng lượng | 80068 | 8A5 | Đặng Gia Hiền          | 07/10/2012 |
| 10  | Năng lượng | 80069 | 8A4 | Nguyễn Quang Hưng      | 19/04/2012 |
| 11  | Năng lượng | 80070 | 8A5 | Đỗ Duy Khang           | 13/10/2012 |
| 12  | Năng lượng | 80071 | 8A6 | Trương Anh Khoa        | 18/10/2012 |
| 13  | Năng lượng | 80072 | 8A3 | Bùi Quốc Kỳ            | 02/01/2012 |
| 14  | Năng lượng | 80073 | 8A4 | Trần Hà Lam            | 21/10/2012 |
| 15  | Năng lượng | 80074 | 8A3 | Hồ Mỹ Linh             | 02/01/2012 |
| 16  | Năng lượng | 80075 | 8A2 | Nguyễn Chí Minh        | 19/03/2012 |
| 17  | Năng lượng | 80076 | 8A5 | Nguyễn Hoàng Dũng Minh | 04/12/2012 |
| 18  | Năng lượng | 80077 | 8A5 | Trần Gia Minh          | 01/12/2012 |
| 19  | Năng lượng | 80078 | 8A3 | Đinh Thị Trà My        | 06/05/2012 |
| 20  | Năng lượng | 80079 | 8A6 | Hoàng Công Phong       | 18/10/2012 |
| 21  | Năng lượng | 80080 | 8A5 | Lê Minh Phúc           | 21/12/2012 |
| 22  | Năng lượng | 80081 | 8A4 | Trần Ngọc Quang        | 03/10/2012 |
| 23  | Năng lượng | 80082 | 8A5 | Vi Tuấn Nhật Quang     | 03/02/2012 |
| 24  | Năng lượng | 80083 | 8A4 | Mai Đặng Hiền Trang    | 17/10/2012 |
| 25  | Năng lượng | 80084 | 8A1 | Nguyễn Minh Trí        | 09/12/2012 |
| 26  | Năng lượng | 80085 | 8A4 | Vũ Đức Trí             | 19/10/2012 |
| 27  | Năng lượng | 80086 | 8A3 | Hà Đức Tuệ             | 02/05/2012 |
| 28  | Năng lượng | 80087 | 8A2 | Hoàng Minh Tùng        | 11/09/2012 |
| 29  | Năng lượng | 80088 | 8A4 | Phạm Thái Tùng         | 21/05/2012 |
| 30  |            |       |     |                        |            |

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG

Phòng thi số:6

Tại phòng:308

| STT | Thi môn  | SBD   | Lớp | Họ và tên HS          | Ngày sinh  |
|-----|----------|-------|-----|-----------------------|------------|
| 1   | Vật sống | 80152 | 8A4 | Nguyễn Ngọc Vân An    | 19/12/2012 |
| 2   | Vật sống | 80153 | 8A2 | Trần Hà An            | 05/12/2012 |
| 3   | Vật sống | 80154 | 8A2 | Phạm Tuấn Anh         | 10/10/2012 |
| 4   | Vật sống | 80155 | 8A5 | Vũ Đình Anh Dũng      | 15/11/2012 |
| 5   | Vật sống | 80156 | 8A5 | Vũ Hà Dương           | 17/09/2012 |
| 6   | Vật sống | 80157 | 8A1 | Nguyễn Minh Hạnh      | 17/05/2012 |
| 7   | Vật sống | 80158 | 8A5 | Nguyễn Minh Hương     | 20/12/2012 |
| 8   | Vật sống | 80159 | 8A3 | Nguyễn Trung Khánh    | 17/04/2012 |
| 9   | Vật sống | 80160 | 8A5 | Vũ Gia Khánh          | 17/07/2012 |
| 10  | Vật sống | 80161 | 8A5 | Phạm Minh Khuê        | 13/10/2012 |
| 11  | Vật sống | 80162 | 8A5 | Trần Phú Lâm          | 24/06/2012 |
| 12  | Vật sống | 80163 | 8A3 | Đặng Phương Linh      | 28/10/2012 |
| 13  | Vật sống | 80164 | 8A2 | Bùi Sỹ Tuấn Minh      | 03/12/2012 |
| 14  | Vật sống | 80165 | 8A3 | Phạm Bình Minh        | 05/10/2012 |
| 15  | Vật sống | 80166 | 8A5 | Trần Phạm Nguyệt Minh | 11/06/2012 |
| 16  | Vật sống | 80167 | 8A4 | Nguyễn Thảo Nguyên    | 24/03/2012 |
| 17  | Vật sống | 80168 | 8A5 | Nguyễn Minh Nguyệt    | 21/05/2012 |
| 18  | Vật sống | 80169 | 8A6 | Nguyễn Thảo Nhi       | 19/09/2012 |
| 19  | Vật sống | 80170 | 8A6 | Đỗ Yên Thảo           | 13/11/2012 |
| 20  | Vật sống | 80171 | 8A2 | Nguyễn Minh Trí       | 21/09/2012 |
| 21  |          |       |     |                       |            |
| 22  |          |       |     |                       |            |
| 23  |          |       |     |                       |            |
| 24  |          |       |     |                       |            |
| 25  |          |       |     |                       |            |
| 26  |          |       |     |                       |            |
| 27  |          |       |     |                       |            |
| 28  |          |       |     |                       |            |
| 29  |          |       |     |                       |            |
| 30  |          |       |     |                       |            |

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG

Phòng thi số: 7

Tại phòng: 401

| STT | Thi môn | SBD   | Lớp | Họ và tên HS        | Ngày sinh  |
|-----|---------|-------|-----|---------------------|------------|
| 1   | Tin     | 60031 | 6A1 | Nguyễn Đăng Bách An | 06/07/2014 |
| 2   | Tin     | 60032 | 6A3 | Phan Vũ Nam An      | 22/10/2014 |
| 3   | Tin     | 60033 | 6A8 | Đàm Khánh Duy       | 19/02/2014 |
| 4   | Tin     | 60034 | 6A6 | Đặng Anh Dũng       | 15/02/2014 |
| 5   | Tin     | 60035 | 6A1 | Bùi Tuấn Đạt        | 25/02/2014 |
| 6   | Tin     | 60036 | 6A8 | Phạm Hoàng Huy      | 04/03/2014 |
| 7   | Tin     | 60037 | 6A1 | Trịnh Bảo Huy       | 10/01/2014 |
| 8   | Tin     | 60038 | 6A5 | Nguyễn Khang        | 21/08/2014 |
| 9   | Tin     | 60039 | 6A3 | Cao Minh Khôi       | 11/10/2014 |
| 10  | Tin     | 60040 | 6A2 | Nguyễn Bá Minh Khôi | 29/06/2014 |
| 11  | Tin     | 60041 | 6A2 | Trần Việt Khôi      | 25/04/2014 |
| 12  | Tin     | 60042 | 6A5 | Nguyễn Minh Kiên    | 02/11/2014 |
| 13  | Tin     | 60043 | 6A3 | Nguyễn Hữu Long     | 26/03/2014 |
| 14  | Tin     | 60044 | 6A8 | Phạm Bình Minh      | 28/03/2014 |
| 15  | Tin     | 60045 | 6A3 | Trịnh Hoàng Minh    | 02/03/2014 |
| 16  | Tin     | 60046 | 6A1 | Trần Mạnh Quân      | 23/08/2014 |
| 17  | Tin     | 60047 | 6A6 | Đặng Quang Sáng     | 16/12/2014 |
| 18  | Tin     | 60048 | 6A3 | Ngô Tâm Thanh       | 07/12/2014 |
| 19  | Tin     | 60049 | 6A4 | Nguyễn Minh Triết   | 20/08/2014 |
| 20  | Tin     | 60050 | 6A6 | Lê Đức Thanh Tùng   | 01/01/2014 |
| 21  | Tin     | 60051 | 6A1 | Nguyễn Thành Vinh   | 28/04/2014 |
| 22  | Tin     | 60052 | 6A8 | Đỗ Phương Vy        | 22/09/2014 |
| 23  |         |       |     |                     |            |
| 24  |         |       |     |                     |            |
| 25  |         |       |     |                     |            |
| 26  |         |       |     |                     |            |
| 27  |         |       |     |                     |            |
| 28  |         |       |     |                     |            |
| 29  |         |       |     |                     |            |
| 30  |         |       |     |                     |            |

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG

Phòng thi số: 8

Tại phòng: 406

| STT | Thi môn | SBD   | Lớp | Họ và tên HS       | Ngày sinh  |
|-----|---------|-------|-----|--------------------|------------|
| 1   | Tin     | 70031 | 7A7 | Nguyễn Như Tâm An  | 02/03/2013 |
| 2   | Tin     | 70032 | 7A7 | Nguyễn Khoa Đăng   | 04/08/2013 |
| 3   | Tin     | 70033 | 7A2 | Trần Nguyên Giáp   | 08/12/2013 |
| 4   | Tin     | 70034 | 7A2 | Phạm Lộc Hà        | 07/07/2013 |
| 5   | Tin     | 70035 | 7A2 | Mai Việt Hiếu      | 21/12/2013 |
| 6   | Tin     | 70036 | 7A6 | Nguyễn Xuân Hiếu   | 24/12/2013 |
| 7   | Tin     | 70037 | 7A2 | Bùi Minh Khánh     | 12/07/2013 |
| 8   | Tin     | 70038 | 7A2 | Phạm Gia Khánh     | 16/08/2013 |
| 9   | Tin     | 70039 | 7A2 | Nguyễn Đức Khôi    | 26/11/2013 |
| 10  | Tin     | 70040 | 7A5 | Phí Minh Khôi      | 01/12/2013 |
| 11  | Tin     | 70041 | 7A6 | Phạm Hoàng Nam     | 28/04/2013 |
| 12  | Tin     | 70042 | 7A7 | Trần Khả Nam       | 11/03/2013 |
| 13  | Tin     | 70043 | 7A6 | Nguyễn Xuân Phúc   | 24/12/2013 |
| 14  | Tin     | 70044 | 7A4 | Nguyễn Hoàng Quân  | 14/01/2013 |
| 15  | Tin     | 70045 | 7A7 | Nguyễn Duy Bảo Sơn | 01/04/2013 |
| 16  | Tin     | 70046 | 7A1 | Ngô Hoàng Thái     | 18/11/2013 |
| 17  | Tin     | 70047 | 7A3 | Bùi Công Văn       | 16/01/2013 |
| 18  | Tin     | 70048 | 7A4 | Ngô Thế Vinh       | 04/01/2013 |
| 19  |         |       |     |                    |            |
| 20  |         |       |     |                    |            |
| 21  |         |       |     |                    |            |
| 22  |         |       |     |                    |            |
| 23  |         |       |     |                    |            |
| 24  |         |       |     |                    |            |
| 25  |         |       |     |                    |            |
| 26  |         |       |     |                    |            |
| 27  |         |       |     |                    |            |
| 28  |         |       |     |                    |            |
| 29  |         |       |     |                    |            |
| 30  |         |       |     |                    |            |

**Phòng thi số:**               **9**                               **Tại phòng:** **401**

| STT | Thi môn | SBD   | Lớp | Họ và tên HS        | Ngày sinh  |
|-----|---------|-------|-----|---------------------|------------|
| 1   | Tin     | 80089 | 8A2 | Ngô Mai Anh         | 17/01/2012 |
| 2   | Tin     | 80090 | 8A5 | Nguyễn Việt Anh     | 06/09/2012 |
| 3   | Tin     | 80091 | 8A5 | Nguyễn Minh Duy     | 25/11/2012 |
| 4   | Tin     | 80092 | 8A5 | Nguyễn Phú Bá Hoàng | 12/12/2012 |
| 5   | Tin     | 80093 | 8A6 | Nguyễn Hải Long     | 31/08/2012 |
| 6   | Tin     | 80094 | 8A3 | Bùi Ngọc Nam        | 02/08/2012 |
| 7   | Tin     | 80095 | 8A6 | Đào Đức Nam         | 09/09/2012 |
| 8   | Tin     | 80096 | 8A5 | Nguyễn Bảo Nam      | 16/03/2012 |
| 9   | Tin     | 80097 | 8A2 | Nguyễn Đức Thắng    | 09/08/2012 |
| 10  |         |       |     |                     |            |
| 11  |         |       |     |                     |            |
| 12  |         |       |     |                     |            |
| 13  |         |       |     |                     |            |
| 14  |         |       |     |                     |            |
| 15  |         |       |     |                     |            |
| 16  |         |       |     |                     |            |
| 17  |         |       |     |                     |            |
| 18  |         |       |     |                     |            |
| 19  |         |       |     |                     |            |
| 20  |         |       |     |                     |            |
| 21  |         |       |     |                     |            |
| 22  |         |       |     |                     |            |
| 23  |         |       |     |                     |            |
| 24  |         |       |     |                     |            |
| 25  |         |       |     |                     |            |
| 26  |         |       |     |                     |            |
| 27  |         |       |     |                     |            |
| 28  |         |       |     |                     |            |
| 29  |         |       |     |                     |            |
| 30  |         |       |     |                     |            |

**Phòng thi số:**               **10**                               **Tại phòng:** **309**

| STT | Thi môn | SBD   | Lớp | Họ và tên HS          | Ngày sinh  |
|-----|---------|-------|-----|-----------------------|------------|
| 1   | Toán    | 60054 | 6A1 | Phạm Nguyễn Hòa An    | 27/07/2014 |
| 2   | Toán    | 60055 | 6A4 | Lê Hoài Anh           | 28/01/2014 |
| 3   | Toán    | 60056 | 6A1 | Nguyễn Minh Anh       | 04/11/2014 |
| 4   | Toán    | 60057 | 6A4 | Nguyễn Ngọc Linh Anh  | 12/10/2014 |
| 5   | Toán    | 60058 | 6A2 | Đỗ Chí Bảo            | 13/10/2014 |
| 6   | Toán    | 60059 | 6A5 | Đào Thái Sơn Bá       | 04/06/2014 |
| 7   | Toán    | 60060 | 6A3 | Trần Mai Chi          | 02/01/2014 |
| 8   | Toán    | 60061 | 6A8 | Lê Cường              | 10/05/2014 |
| 9   | Toán    | 60062 | 6A2 | Nguyễn Thành Đạt      | 05/04/2014 |
| 10  | Toán    | 60063 | 6A6 | Nguyễn Hương Giang    | 16/08/2014 |
| 11  | Toán    | 60064 | 6A5 | Lê Hoàng              | 13/02/2014 |
| 12  | Toán    | 60065 | 6A8 | Nguyễn Minh Hoàng     | 18/02/2014 |
| 13  | Toán    | 60066 | 6A8 | Nguyễn Minh Khang     | 24/08/2014 |
| 14  | Toán    | 60067 | 6A6 | Nguyễn Vĩnh Đăng Khoa | 02/10/2014 |
| 15  | Toán    | 60068 | 6A8 | Trần Hà Anh Khoa      | 06/01/2014 |
| 16  | Toán    | 60069 | 6A8 | Hà Thảo Linh          | 30/07/2014 |
| 17  | Toán    | 60070 | 6A8 | Nguyễn Viết Lượng     | 13/01/2014 |
| 18  | Toán    | 60071 | 6A8 | Đường Thái Minh       | 21/09/2014 |
| 19  | Toán    | 60072 | 6A5 | Hà Anh Minh           | 30/09/2014 |
| 20  | Toán    | 60073 | 6A1 | Phạm Bình Nguyên      | 30/08/2014 |
| 21  | Toán    | 60074 | 6A4 | Hà Thanh Phong        | 02/03/2014 |
| 22  | Toán    | 60075 | 6A1 | Nguyễn Nam Phong      | 02/03/2014 |
| 23  | Toán    | 60076 | 6A8 | Trần Đức Nguyên Phong | 31/01/2014 |
| 24  | Toán    | 60077 | 6A5 | Phạm Khánh Thiện      | 03/03/2014 |
| 25  | Toán    | 60078 | 6A3 | Dương Đức Trí         | 15/03/2014 |
| 26  | Toán    | 60079 | 6A4 | Nguyễn Quốc Trung     | 29/10/2014 |
| 27  | Toán    | 60080 | 6A8 | Nguyễn Việt Trung     | 18/09/2014 |
| 28  | Toán    | 60081 | 6A8 | Phan Hoàng Quốc Việt  | 24/05/2014 |
| 29  |         |       |     |                       |            |
| 30  |         |       |     |                       |            |

**Phòng thi số:**               **11**                                      **Tại phòng: 310**

| STT | Thi môn | SBD   | Lớp | Họ và tên HS          | Ngày sinh  |
|-----|---------|-------|-----|-----------------------|------------|
| 1   | Toán    | 70049 | 7A5 | Hoàng Diệp Châu       | 13/03/2013 |
| 2   | Toán    | 70050 | 7A7 | Vi Tuấn Bảo Châu      | 04/09/2013 |
| 3   | Toán    | 70051 | 7A2 | Nguyễn Khánh Duy      | 13/09/2013 |
| 4   | Toán    | 70052 | 7A5 | Phạm Anh Duy          | 27/11/2013 |
| 5   | Toán    | 70053 | 7A2 | Hoàng Chí Dũng        | 19/11/2013 |
| 6   | Toán    | 70054 | 7A3 | Nguyễn Tiến Dũng      | 23/01/2013 |
| 7   | Toán    | 70055 | 7A5 | Đặng Bình Dương       | 20/10/2013 |
| 8   | Toán    | 70056 | 7A5 | Nguyễn Việt Đại Dương | 29/10/2013 |
| 9   | Toán    | 70057 | 7A6 | Trần Vũ Giang         | 07/02/2013 |
| 10  | Toán    | 70058 | 7A4 | Ngô Thúy Hằng         | 23/01/2013 |
| 11  | Toán    | 70059 | 7A3 | Ngô Đức Hiếu          | 18/01/2013 |
| 12  | Toán    | 70060 | 7A5 | Vũ Hoàng              | 27/05/2013 |
| 13  | Toán    | 70061 | 7A2 | Nguyễn Thành Huân     | 22/08/2013 |
| 14  | Toán    | 70062 | 7A7 | Đinh Trung Kiệt       | 09/04/2013 |
| 15  | Toán    | 70063 | 7A5 | Đặng Minh Lâm         | 17/11/2013 |
| 16  | Toán    | 70064 | 7A4 | Nguyễn Thanh Lâm      | 13/09/2013 |
| 17  | Toán    | 70065 | 7A3 | Phạm Công Đức Minh    | 16/11/2013 |
| 18  | Toán    | 70066 | 7A2 | Nguyễn Bảo Nam        | 31/12/2013 |
| 19  | Toán    | 70067 | 7A3 | Nguyễn Khôi Nguyên    | 19/7/2013  |
| 20  | Toán    | 70068 | 7A5 | Nguyễn Phạm Hải Phong | 07/08/2013 |
| 21  | Toán    | 70069 | 7A5 | Lê Đình Quý           | 10/06/2013 |
| 22  | Toán    | 70070 | 7A7 | Vũ Minh Quý           | 30/12/2013 |
| 23  | Toán    | 70071 | 7A2 | Nguyễn Thái Sơn       | 26/08/2013 |
| 24  | Toán    | 70072 | 7A7 | Trần Nguyễn Tuấn Sơn  | 18/11/2013 |
| 25  | Toán    | 70073 | 7A6 | Lê Xuân Thái          | 15/02/2013 |
| 26  | Toán    | 70074 | 7A5 | Vũ Anh Thư            | 14/12/2013 |
| 27  | Toán    | 70075 | 7A1 | Nguyễn Ngọc Thủy Tiên | 28/02/2013 |
| 28  | Toán    | 70076 | 7A5 | Nguyễn Minh Triết     | 22/08/2013 |
| 29  | Toán    | 70077 | 7A4 | Phan Trí Vinh         | 01/09/2013 |
| 30  |         |       |     |                       |            |

**Phòng thi số:**               **12**                               **Tại phòng:** **311**

| STT | Thi môn | SBD   | Lớp | Họ và tên HS         | Ngày sinh  |
|-----|---------|-------|-----|----------------------|------------|
| 1   | Toán    | 80098 | 8A5 | Đậu Gia Bảo          | 24/08/2012 |
| 2   | Toán    | 80099 | 8A6 | Lê Đức Bình          | 04/05/2012 |
| 3   | Toán    | 80100 | 8A1 | Trần Linh Chi        | 29/09/2012 |
| 4   | Toán    | 80101 | 8A1 | Đỗ Thùy Dương        | 14/07/2012 |
| 5   | Toán    | 80102 | 8A6 | Nguyễn Trí Hiếu      | 12/07/2012 |
| 6   | Toán    | 80103 | 8A3 | Nguyễn Khánh Hoàng   | 26/05/2012 |
| 7   | Toán    | 80104 | 8A1 | Đoàn Minh Khang      | 26/03/2012 |
| 8   | Toán    | 80105 | 8A2 | Nguyễn Trúc Lam      | 23/09/2012 |
| 9   | Toán    | 80106 | 8A6 | Nguyễn Hữu Tùng Lâm  | 14/05/2012 |
| 10  | Toán    | 80107 | 8A1 | Nguyễn Tài Bảo Lâm   | 13/01/2012 |
| 11  | Toán    | 80108 | 8A6 | Nguyễn Tùng Lâm      | 15/07/2012 |
| 12  | Toán    | 80109 | 8A6 | Trần Hà Linh         | 06/05/2012 |
| 13  | Toán    | 80110 | 8A1 | Huỳnh Nhật Minh      | 17/11/2012 |
| 14  | Toán    | 80111 | 8A5 | Lê Vũ Minh           | 16/01/2012 |
| 15  | Toán    | 80112 | 8A3 | Nguyễn Nhật Minh     | 10/08/2012 |
| 16  | Toán    | 80113 | 8A4 | Võ Tuấn Minh         | 16/08/2012 |
| 17  | Toán    | 80114 | 8A6 | Nguyễn Hữu Minh Nhật | 27/01/2012 |
| 18  | Toán    | 80115 | 8A3 | Trần Hữu Đăng Nhật   | 01/06/2012 |
| 19  | Toán    | 80116 | 8A3 | Nguyễn Hải Phong     | 14/09/2012 |
| 20  | Toán    | 80117 | 8A4 | Nguyễn Nam Phong     | 17/03/2012 |
| 21  | Toán    | 80118 | 8A1 | Ngô Đức Quang        | 11/02/2012 |
| 22  | Toán    | 80119 | 8A6 | Vũ Đức Minh Trí      | 02/10/2012 |
| 23  | Toán    | 80120 | 8A3 | Hoàng Anh Tùng       | 22/07/2012 |
| 24  | Toán    | 80121 | 8A6 | Đặng Minh Tú         | 19/01/2012 |
| 25  | Toán    | 80122 | 8A1 | Đặng Minh Vũ         | 20/04/2012 |
| 26  |         |       |     |                      |            |
| 27  |         |       |     |                      |            |
| 28  |         |       |     |                      |            |
| 29  |         |       |     |                      |            |
| 30  |         |       |     |                      |            |

**Phòng thi số:**               **13**                               **Tại phòng:** **312**

| STT | Thi môn | SBD   | Lớp | Họ và tên HS          | Ngày sinh  |
|-----|---------|-------|-----|-----------------------|------------|
| 1   | Ngữ Văn | 60082 | 6A4 | Lê Hoài An            | 28/01/2014 |
| 2   | Ngữ Văn | 60083 | 6A3 | Đào Châu Anh          | 27/07/2014 |
| 3   | Ngữ Văn | 60084 | 6A2 | Lương Tú Anh          | 12/06/2014 |
| 4   | Ngữ Văn | 60085 | 6A5 | Trần Kiều Anh         | 30/09/2014 |
| 5   | Ngữ Văn | 60086 | 6A2 | Nguyễn Minh Châu      | 17/08/2014 |
| 6   | Ngữ Văn | 60087 | 6A1 | Trịnh Bảo Châu        | 08/01/2014 |
| 7   | Ngữ Văn | 60088 | 6A2 | Phạm Quỳnh Chi        | 30/08/2014 |
| 8   | Ngữ Văn | 60089 | 6A3 | Lê Ngọc Diệp          | 07/07/2014 |
| 9   | Ngữ Văn | 60090 | 6A8 | Nguyễn Trọng Hải Đăng | 17/10/2014 |
| 10  | Ngữ Văn | 60091 | 6A7 | Đặng Gia Huy          | 03/04/2014 |
| 11  | Ngữ Văn | 60092 | 6A8 | Ngô Diệu Hương        | 19/05/2014 |
| 12  | Ngữ Văn | 60093 | 6A1 | Nguyễn Minh Khang     | 01/02/2014 |
| 13  | Ngữ Văn | 60094 | 6A4 | Kiều Minh Khuê        | 28/04/2014 |
| 14  | Ngữ Văn | 60095 | 6A7 | Nguyễn Diệp Lam       | 01/05/2014 |
| 15  | Ngữ Văn | 60096 | 6A6 | Nguyễn Lê Phương Lan  | 13/05/2014 |
| 16  | Ngữ Văn | 60097 | 6A6 | Nguyễn Cát Linh       | 19/05/2014 |
| 17  | Ngữ Văn | 60098 | 6A7 | Nguyễn Nhật Linh      | 10/01/2014 |
| 18  | Ngữ Văn | 60099 | 6A6 | Nguyễn Trang Linh     | 29/07/2014 |
| 19  | Ngữ Văn | 60100 | 6A7 | Đỗ Huyền My           | 10/01/2014 |
| 20  | Ngữ Văn | 60101 | 6A8 | Nguyễn Trần Huyền My  | 10/08/2014 |
| 21  | Ngữ Văn | 60102 | 6A1 | Hồ Phạm Kim Ngân      | 26/01/2014 |
| 22  | Ngữ Văn | 60103 | 6A6 | Trần Trịnh Kim Ngân   | 13/03/2014 |
| 23  | Ngữ Văn | 60104 | 6A8 | Dương Hoàng Nguyên    | 03/04/2014 |
| 24  | Ngữ Văn | 60105 | 6A6 | Nguyễn Thanh Nhật     | 25/01/2014 |
| 25  | Ngữ Văn | 60106 | 6A1 | Nguyễn Quỳnh Nhi      | 08/05/2014 |
| 26  | Ngữ Văn | 60107 | 6A5 | Bùi Thu Thảo          | 22/10/2014 |
| 27  | Ngữ Văn | 60108 | 6A6 | Phan Phương Thảo      | 21/05/2014 |
| 28  | Ngữ Văn | 60109 | 6A7 | Trần Kim Thái         | 21/01/2014 |
| 29  | Ngữ Văn | 60110 | 6A8 | Nguyễn Yên Thư        | 17/10/2014 |
| 30  | Ngữ Văn | 60111 | 6A3 | Lại Huyền Trang       | 20/05/2014 |

**Phòng thi số:**               **14**                               **Tại phòng:** **313**

| STT | Thi môn | SBD   | Lớp | Họ và tên HS         | Ngày sinh  |
|-----|---------|-------|-----|----------------------|------------|
| 1   | Ngữ Văn | 70078 | 7A4 | Nguyễn Nhã An        | 23/04/2013 |
| 2   | Ngữ Văn | 70079 | 7A6 | Phạm Hoàng Bảo An    | 08/03/2013 |
| 3   | Ngữ Văn | 70080 | 7A1 | Vũ Tú An             | 06/06/2013 |
| 4   | Ngữ Văn | 70081 | 7A3 | Đinh Quốc Anh        | 09/04/2013 |
| 5   | Ngữ Văn | 70082 | 7A2 | Nguyễn Ngọc Anh      | 10/05/2013 |
| 6   | Ngữ Văn | 70083 | 7A3 | Trần Diệp Anh        | 30/03/2013 |
| 7   | Ngữ Văn | 70084 | 7A1 | Trần Minh Anh        | 21/04/2013 |
| 8   | Ngữ Văn | 70085 | 7A5 | Lê Nguyễn An Bình    | 22/12/2013 |
| 9   | Ngữ Văn | 70086 | 7A7 | Nguyễn Gia Hân       | 24/09/2013 |
| 10  | Ngữ Văn | 70087 | 7A1 | Nguyễn Ngọc Gia Hân  | 02/03/2013 |
| 11  | Ngữ Văn | 70088 | 7A7 | Nguyễn Minh Hương    | 26/03/2013 |
| 12  | Ngữ Văn | 70089 | 7A3 | Nguyễn Minh Khang    | 29/11/2013 |
| 13  | Ngữ Văn | 70090 | 7A7 | Nguyễn Dương Hà Minh | 22/03/2013 |
| 14  | Ngữ Văn | 70091 | 7A1 | Nguyễn Nữ Ngọc Minh  | 05/01/2013 |
| 15  | Ngữ Văn | 70092 | 7A2 | Nguyễn Tuệ Minh      | 04/01/2013 |
| 16  | Ngữ Văn | 70093 | 7A4 | Ngô Thành Nam        | 28/11/2013 |
| 17  | Ngữ Văn | 70094 | 7A4 | Trần Khánh Ngọc      | 16/06/2013 |
| 18  | Ngữ Văn | 70095 | 7A5 | Nguyễn Hải Phong     | 12/01/2013 |
| 19  | Ngữ Văn | 70096 | 7A5 | Hoàng Vân Phương     | 18/04/2013 |
| 20  | Ngữ Văn | 70097 | 7A3 | Vũ Hà Phương         | 08/08/2013 |
| 21  | Ngữ Văn | 70098 | 7A6 | Nguyễn Tường Quyên   | 28/04/2013 |
| 22  | Ngữ Văn | 70099 | 7A2 | Nguyễn Như Thảo      | 20/02/2013 |
| 23  | Ngữ Văn | 70100 | 7A7 | Phạm Phương Thảo     | 15/02/2013 |
| 24  | Ngữ Văn | 70101 | 7A5 | Vũ Hà Phương Thảo    | 30/03/2013 |
| 25  | Ngữ Văn | 70102 | 7A6 | Nguyễn Anh Thư       | 06/02/2013 |
| 26  | Ngữ Văn | 70103 | 7A3 | Ngô An Thy           | 09/06/2013 |
| 27  | Ngữ Văn | 70104 | 7A7 | Nguyễn Bảo Trang     | 21/01/2013 |
| 28  | Ngữ Văn | 70105 | 7A2 | Lê Thanh Tú          | 21/10/2013 |
| 29  | Ngữ Văn | 70106 | 7A5 | Nguyễn Lê Bảo Vinh   | 13/11/2013 |
| 30  | Ngữ Văn | 70107 | 7A4 | Phạm Đình Huy Vũ     | 16/12/2013 |

**Phòng thi số:**               **15**                               **Tại phòng:** **314**

| STT | Thi môn | SBD   | Lớp | Họ và tên HS            | Ngày sinh  |
|-----|---------|-------|-----|-------------------------|------------|
| 1   | Ngữ Văn | 80123 | 8A6 | Nguyễn Tâm An           | 14/11/2012 |
| 2   | Ngữ Văn | 80124 | 8A3 | Nguyễn Lan Anh          | 21/08/2012 |
| 3   | Ngữ Văn | 80125 | 8A4 | Nguyễn Ngọc Thùy Anh    | 27/01/2012 |
| 4   | Ngữ Văn | 80126 | 8A4 | Nguyễn Vũ Ngọc Anh      | 05/02/2012 |
| 5   | Ngữ Văn | 80127 | 8A2 | Trần Minh Anh           | 11/12/2012 |
| 6   | Ngữ Văn | 80128 | 8A2 | Vũ Bảo Anh              | 06/10/2012 |
| 7   | Ngữ Văn | 80129 | 8A3 | Trần Lê Bảo Châu        | 19/05/2012 |
| 8   | Ngữ Văn | 80130 | 8A1 | Cao Ngân Chi            | 05/02/2012 |
| 9   | Ngữ Văn | 80131 | 8A4 | Hà Châu Giang           | 29/11/2012 |
| 10  | Ngữ Văn | 80132 | 8A1 | Nguyễn Linh Giang       | 13/02/2012 |
| 11  | Ngữ Văn | 80133 | 8A6 | Nguyễn Phạm Hương Giang | 18/05/2012 |
| 12  | Ngữ Văn | 80134 | 8A1 | Nguyễn Ngọc Hà          | 18/12/2012 |
| 13  | Ngữ Văn | 80135 | 8A1 | Hoàng Thu Hiền          | 09/10/2012 |
| 14  | Ngữ Văn | 80136 | 8A5 | Thái Đậu Bảo Khanh      | 14/08/2012 |
| 15  | Ngữ Văn | 80137 | 8A3 | Dương Tuệ Lâm           | 11/07/2012 |
| 16  | Ngữ Văn | 80138 | 8A1 | Đinh Phương Linh        | 16/02/2012 |
| 17  | Ngữ Văn | 80139 | 8A2 | Lê Hồng Bảo Linh        | 27/02/2012 |
| 18  | Ngữ Văn | 80140 | 8A5 | Nguyễn Tuệ Linh         | 05/12/2012 |
| 19  | Ngữ Văn | 80141 | 8A6 | Phạm Lê Hà Linh         | 15/07/2012 |
| 20  | Ngữ Văn | 80142 | 8A6 | Cao Trần Ngọc Mai       | 04/04/2012 |
| 21  | Ngữ Văn | 80143 | 8A5 | Nguyễn Đức Minh         | 28/07/2012 |
| 22  | Ngữ Văn | 80144 | 8A4 | Hà Hạnh Nguyên          | 08/03/2012 |
| 23  | Ngữ Văn | 80145 | 8A5 | Nguyễn Tâm Nhi          | 03/07/2012 |
| 24  | Ngữ Văn | 80146 | 8A3 | Nguyễn Hà Phương        | 24/01/2012 |
| 25  | Ngữ Văn | 80147 | 8A4 | Nguyễn Hà Trang         | 25/01/2012 |
| 26  | Ngữ Văn | 80148 | 8A2 | Quất Phạm Bảo Trang     | 20/04/2012 |
| 27  | Ngữ Văn | 80149 | 8A3 | Nguyễn Ngọc Bảo Trân    | 08/08/2012 |
| 28  | Ngữ Văn | 80150 | 8A6 | Nguyễn Thị Thục Uyên    | 05/02/2012 |
| 29  | Ngữ Văn | 80151 | 8A4 | Đặng Trần Thảo Vy       | 12/02/2012 |
| 30  |         |       |     |                         |            |